

Họ và tên học sinh : Số báo danh :

Mã đề 002

Câu 1. Nguyên nhân chủ yếu khiến Đảng đề ra chủ trương “tránh trường hợp một mình đối đầu với nhiều lực lượng kẻ thù cùng một lúc” sau cách mạng tháng Tám 1945 là

- A. kẻ thù rất đông và mạnh.
- B. chính quyền non trẻ, chưa kiên toàn.
- C. nhân dân chưa sẵn sàng kháng chiến.
- D. Đảng, Chính phủ tập trung giải quyết nạn đói.

Câu 2. Nhân tố khách quan thuận lợi giúp Mĩ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Mĩ có dự trữ vàng lớn nhất thế giới.
- B. vai trò điều tiết nền kinh tế của nhà nước.
- C. Mĩ Lợi dụng chiến tranh buôn bán vũ khí.
- D. lãnh thổ rộng lớn, giàu tài nguyên.

Câu 3. Đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931 ở Việt Nam là

- A. cuộc đấu tranh của nông dân Thái Bình (4 – 1930).
- B. bãi công nhân ngày Quốc tế Lao động (1 – 5 – 1930).
- C. cuộc đấu tranh của nông dân Hưng Nguyên (12 – 9 – 1930).
- D. thành lập Xô viết Nghệ – Tĩnh (9 – 1930).

Câu 4. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thành lập vào thời gian nào? Ở đâu?

- A. Tháng 6/1925 ở Hương Cảng (TQ).
- B. Tháng 5/1925 ở Quảng Châu (TQ).
- C. Tháng 6/1925 ở Quảng Châu (TQ).
- D. Tháng 7/1925 ở Quảng Châu (TQ).

Câu 5. Sự kiện nào đánh dấu mở đường giải quyết sự khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc ở Việt Nam?

- A. Nguyễn Ái Quốc xuất bản tác phẩm Đường cách mệnh năm 1927.
- B. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp 12/1920.
- C. Nguyễn Ái Quốc đọc Luận cương về vấn đề dân tộc, thuộc địa của Lê nin 7/1920.
- D. Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước 1911.

Câu 6. Nguyên nhân quan trọng nhất thúc đẩy nền kinh tế của Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản phát triển nhanh chóng trong giai đoạn 1945 – 1973 là

- A. tài nguyên phóng phú dồi dào.
- B. áp dụng khoa học – kỹ thuật vào sản xuất.
- C. nguồn nhân lực có trình độ cao.
- D. vai trò quản lý có hiệu quả của Nhà nước.

Câu 7. Khối liên minh công-nông lần đầu tiên được hình thành từ trong phong trào cách mạng nào ở Việt Nam?

- A. Phong trào cách mạng 1930-1931.
- B. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945.
- C. Phong trào dân chủ 1936-1939.
- D. Phong trào dân tộc dân chủ 1919-1930.

Câu 8. Hoạt động nào sau đây của các nước Tây Âu thể hiện rõ sự ủng hộ của họ đối với cuộc Chiến tranh lạnh do Mĩ phát động?

- A. Tham gia khối quân sự NATO.
- B. Đẩy mạnh xâm lược thuộc địa.
- C. Bao vây Liên Xô, các nước XHCN.
- D. Cho Mĩ đóng quân trên lãnh thổ.

Câu 9. Tiêu biểu cho khuynh hướng cứu nước theo con đường dân chủ tư sản đầu thế kỉ XX là

- A. Lương Văn Can, Nguyễn Quyền.
- B. Thái Phiên, Trần Cao Vân.

C. Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh.

D. Trần Quý Cáp, Ngô Đức Kế.

Câu 10. Bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Mười Nga (1917) được Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương vận dụng linh hoạt vào cuộc vận động giải phóng dân tộc (1939-1945) ở Việt Nam như thế nào?

A. Tập trung vào công tác chuẩn bị, chờ đợi thời cơ để hành động mau lẹ.

B. Coi trọng xây dựng lực lượng vũ trang, mở rộng căn cứ địa cách mạng.

C. Sử dụng hình thức chính quyền cách mạng bằng con đường bạo lực.

D. Xây dựng lực lượng chính trị đóng vai trò quyết định cho cách mạng

Câu 11. Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

A. Sự ủng hộ của các nước XHCN.

B. Truyền thống yêu nước của dân tộc.

C. Sự giúp đỡ trực tiếp của các nước Đồng minh.

D. Liên minh chiến đấu của ba nước Đông Dương.

Câu 12. Từ ngày 6 - 3 - 1946 đến trước ngày 19 - 12 - 1946, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhân nhượng cho thực dân Pháp một số quyền lợi với nguyên tắc cao nhất là

A. đảm bảo sự phát triển lực lượng chính trị.

B. đảm bảo an ninh quốc gia.

C. Đảng Cộng sản được hoạt động công khai.

D. giữ vững chủ quyền dân tộc.

Câu 13. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, biến đổi to lớn nhất của các nước Đông Nam Á là

A. mở rộng được thị trường trong, ngoài nước.

B. phát triển nhanh về kinh tế.

C. trở thành các nước công nghiệp mới.

D. đều trở thành các quốc gia độc lập.

Câu 14. Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi và Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai

A. đã góp phần làm thay đổi sâu sắc bản đồ chính trị thế giới.

B. là yếu tố quyết định sự xuất hiện của xu thế hòa hoãn Đông-Tây.

C. đã góp phần làm phá sản hoàn toàn chiến lược toàn cầu của Mĩ.

D. là yếu tố quyết định sự xuất hiện của xu thế toàn cầu hóa.

Câu 15. Nhận xét nào dưới đây về cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là không đúng?

A. Đây là cuộc cách mạng có tính chất dân tộc điển hình.

B. Đây là cuộc cách mạng có tính chất dân chủ điển hình.

C. Đây là cuộc cách mạng có tính chất bạo lực rõ nét.

D. Đây là cuộc cách mạng có tính chất nhân dân sâu sắc.

Câu 16. Nguyên nhân quyết định nhất trong thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

A. do truyền thống yêu nước, đoàn kết của dân tộc.

B. quá trình chuẩn bị suốt 15 năm (1930-1945) của Đảng ta

C. sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và chủ tịch Hồ Chí Minh.

D. chiến thắng của quân đồng minh tiêu diệt phát xít.

Câu 17. Nhận xét nào sau đây là đúng về điểm chung của trật tự thế giới theo hệ thống Vécxai-Oasinhton và trật tự thế giới hai cực Ianta?

A. Phản ánh quá trình thỏa hiệp và đấu tranh giữa các cường quốc.

B. Phản ánh tương quan lực lượng giữa hai hệ thống chính trị xã hội đối lập.

C. Hình thành trên cơ sở thỏa thuận giữa các nước có chế độ chính trị đối lập.

D. Giải quyết được mâu thuẫn giữa các nước tham gia chiến tranh thế giới.

Câu 18. Nội dung gây nhiều tranh cãi nhất giữa ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh tại Hội nghị Ianta (Liên Xô) là

A. giải quyết các hậu quả chiến tranh, phân chia chiến lợi phẩm

B. phân chia khu vực chiếm đóng, ảnh hưởng của các nước thắng trận.

C. thành lập tổ chức quốc tế - Liên Hợp Quốc để duy trì hòa bình.

D. tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.

Câu 19. Vị vua đã hạ chiếu Cần Vương kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân đứng lên giúp vua cứu

nước là

- A. Đồng Khánh. B. Hiệp Hòa. C. Duy Tân. D. Hàm Nghi.

Câu 20. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, yêu cầu bức thiết nhất của giai cấp nông dân Việt Nam trong bối cảnh bị mất nước là gì?

- A. Các quyền dân chủ. B. Độc lập dân tộc.
C. Hòa bình. D. Ruộng đất.

Câu 21. Tổ chức chính trị của tư sản mại bản và đại địa chủ ở Nam Kỳ giai đoạn 1919-1925 là gì?

- A. Việt Nam nghĩa đoàn. B. Đảng Lập hiến.
C. Hội Phục Việt D. Đảng Thanh niên.

Câu 22. Nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu (1989 - 1991) là

- A. sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.
B. những sai lầm về chính trị của một số người lãnh đạo Đảng, Nhà nước.
C. đường lối lãnh đạo chủ quan, duy ý chí, tập trung quan liêu bao cấp.
D. không bắt kịp bước phát triển của khoa học - kỹ thuật tiên tiến.

Câu 23. Tính chất của cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga là gì?

- A. Xã hội chủ nghĩa. B. Dân chủ tư sản kiểu cũ..
C. Vô sản kiểu mới. D. Dân chủ tư sản kiểu mới

Câu 24. Luận cương chính trị tháng 10 - 1930 của Đảng Cộng sản Đông Dương không đưa ngọn cờ dân tộc lên hàng đầu mà nặng về đấu tranh giai cấp là do

- A. chưa xác định được các mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Đông Dương thuộc địa.
B. đánh giá chưa đúng khả năng chống đế quốc và phong kiến của tư sản dân tộc.
C. chưa xác định được mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Đông Dương thuộc địa.
D. chịu sự chi phối của tư tưởng hữu khuynh từ các đảng cộng sản trên thế giới.

Câu 25. Từ lý luận đến thực tiễn cho thấy, các hình thức mặt trận dân tộc thống nhất ở Việt Nam (1930-1945) đều có điểm tương đồng là

- A. cơ sở ra đời các mặt trận là các Hội cứu quốc.
B. mặt trận dân tộc thống nhất của ba nước Đông Dương.
C. thực hiện phân hóa và cô lập kẻ thù.
D. do quốc tế Cộng sản chỉ đạo và thành lập.

Câu 26. Vì sao nói sau cách mạng tháng Hai năm 1917, một tình hình chính trị phức tạp chưa từng có đã diễn ra ở nước Nga?

- A. Chính quyền rơi vào tay giai cấp tư sản phản cách mạng.
B. Có hai chính quyền đối lập song song cùng tồn tại.
C. Nga tiến vào thời kì quá độ đi lên xã hội chủ nghĩa.
D. Chính quyền nhân dân lao động lần đầu được thành lập.

Câu 27. Tài liệu nào dưới đây lần đầu tiên khẳng định sự nhân nhượng của nhân dân Việt Nam đối với thực dân Pháp xâm lược đã đến giới hạn cuối cùng?

- A. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
B. “Tuyên ngôn Độc lập” của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
C. “Kháng chiến nhất định thắng lợi” của Tổng Bí thư Trường Chinh.
D. “Toàn dân kháng chiến” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Câu 28. Sau khi Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra khẩu hiệu nào sau đây?

- A. “Đánh đuổi thực dân Pháp”. B. “Đánh đổ phong kiến”.
C. “Đánh đuổi phản động thuộc địa”. D. “Đánh đuổi phát xít Nhật”.

Câu 29. Khuynh hướng cách mạng nào ngày càng chiếm ưu thế trong phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam trong những năm 20 (Thế kỉ XX)?

- A. Khuynh hướng phong kiến. B. Khuynh hướng vô sản.
C. Khuynh hướng bạo động. D. Khuynh hướng dân chủ tư sản.

Câu 30. Phong trào cách mạng 1930-1931, 1936-1939, 1939-1945 ở Việt Nam không có điểm khác biệt về

- A. nhiệm vụ chiến lược B. nhiệm vụ sách lược.
C. khẩu hiệu đấu tranh D. hình thức đấu tranh.

Câu 31. Trong các đặc điểm sau, đặc điểm nào là cơ bản nhất của giai cấp công nhân Việt Nam?

- A. Bị ba tầng áp bức bóc lột của đế quốc, phong kiến, tư sản.
- B. Có quan hệ tự nhiên gắn bó với giai cấp nông dân.
- C. Sớm chịu ảnh hưởng của cách mạng vô sản trên thế giới.
- D. Kế thừa truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc.

Câu 32. Điểm chung giữa Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000 là

- A. liên minh chặt chẽ với nhau.
- B. cùng thực hiện chiến lược toàn cầu.
- C. tiến hành chiến tranh xâm lược bên ngoài.
- D. trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

Câu 33. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Đông Dương (1919-1929), thực dân Pháp chủ trương đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nhằm

- A. làm cho kinh tế thuộc địa phát triển cân đối.
- B. xóa bỏ phương thức sản xuất phong kiến.
- C. đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế chính quốc.
- D. phát triển đồng đều giữa các vùng kinh tế.

Câu 34. Năm 1949, sản lượng nông nghiệp của nước nào bằng hai lần tổng sản lượng nông nghiệp của các nước Anh, Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức, Italia, Nhật Bản?

- A. Tây Ban Nha.
- B. Mĩ.
- C. Trung Quốc.
- D. Hà Lan.

Câu 35. Trật tự thế giới hình thành sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1991 có đặc trưng nổi bật nhất là

- A. chiến tranh bao trùm thế giới.
- B. hình thành hai phe – TBCN và XHCN
- C. chiến tranh cục bộ xảy ra nhiều nơi.
- D. ra sức chạy đua vũ trang.

Câu 36. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, sự kiện nào sau đây ở châu Phi gắn liền với vai trò lãnh đạo của Nê-xơn-Man-đê-la?

- A. Nước Cộng hòa Dimbabuê ra đời.
- B. Namibia tuyên bố độc lập.
- C. Cách mạng Ănggôla, Môđambích thành công
- D. đường lối lãnh đạo chủ quan, duy ý chí, tập trung quan liêu bao cấp.

Câu 37. Điểm mới của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919-1929) so với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-1914) của thực dân Pháp ở Đông Dương là

- A. vốn đầu tư chủ yếu của tư bản nhà nước.
- B. đầu tư nhiều nhất vào giao thông vận tải.
- C. đầu tư vốn với quy mô lớn, tốc độ nhanh.
- D. đầu tư nhiều nhất khai thác mỏ.

Câu 38. Thắng lợi nào của ta đã đánh bại hoàn toàn kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với ta?

- A. Biên giới thu - đông 1950.
- B. Chiến dịch Tây Bắc (1953).
- C. Việt Bắc thu - đông 1947.
- D. Chiến dịch Tây Nguyên (1954).

Câu 39. Sự kiện nào đánh dấu, giai cấp công nhân đã thực sự trở thành một lực lượng chính trị độc lập và hoàn toàn đấu tranh tự giác?

- A. Bãi công của Công nhân xưởng Ba Son (1925).
- B. Nước Việt Nam DCCCH ra đời (1945).
- C. Phong trào vô sản hóa (1928).
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập (1930).

Câu 40. Thành tựu khoa học – kỹ thuật và công nghệ chủ yếu của Nhật Bản tập trung vào lĩnh vực

- A. chinh phục vũ trụ.
- B. sản xuất hàng tiêu dùng.
- C. sản xuất ứng dụng dân dụng.
- D. sản xuất phần mềm.

----- HẾT -----